



CTCP Tôn Đông Á (UPCOM: GDA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	23,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,105
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,735
SL cổ phiếu LH	114,691,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	166,675
% sở hữu nước ngoài	17.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,730
P/E	8.8
EPS	2,695

DT thuần

Q1/25

3,977

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 89.0 | 2.3%

YoY: ▼122 | -3.0%

LN sau thuế

Q1/25

62.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.4 | 194%

YoY: ▼32.7 | -34.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.5%

DT thuần

2024

19,136

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,701 | 9.8%

LN sau thuế

2024

342

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.0 | 20.5%

ROE

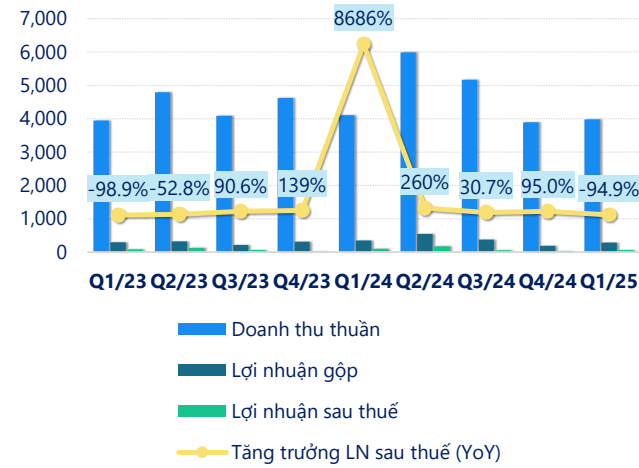
2024

9.2%

+/- YoY: ▲ 1.2%

tỷ VNĐ

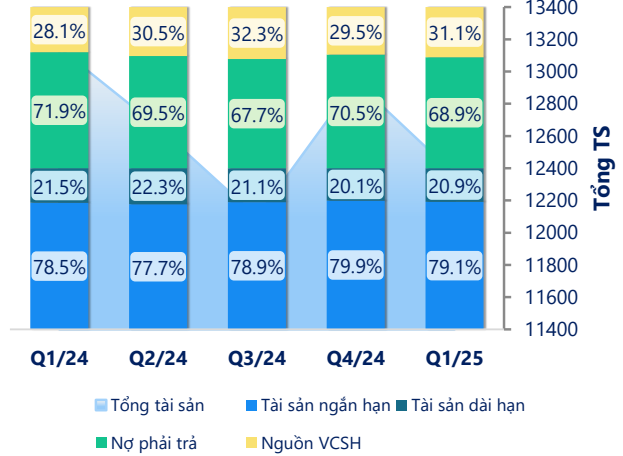
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

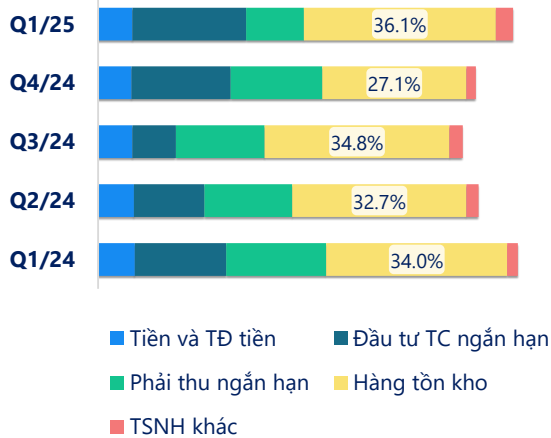
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



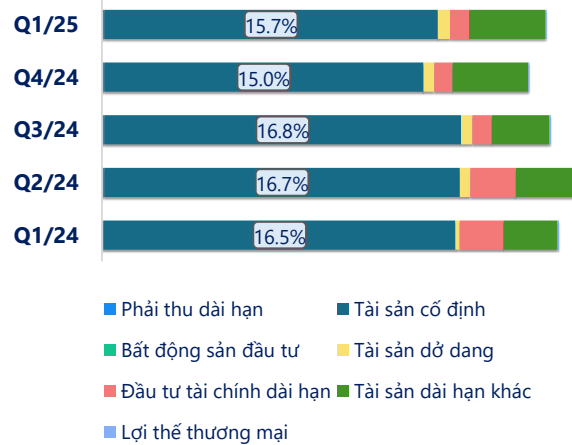
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

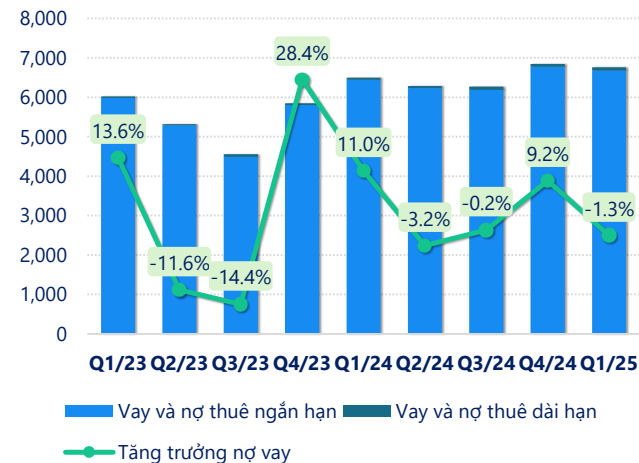
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

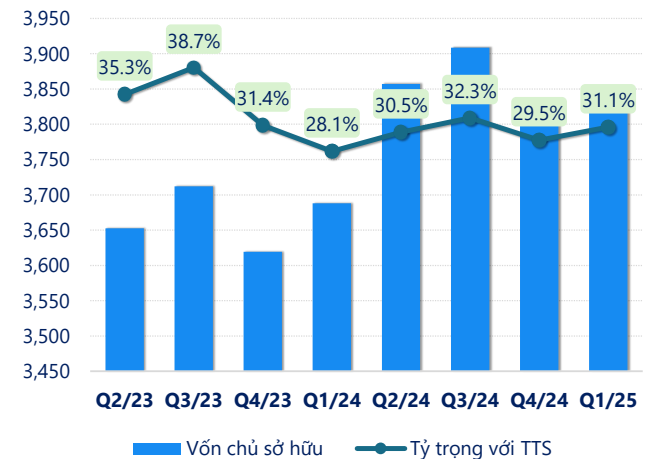
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

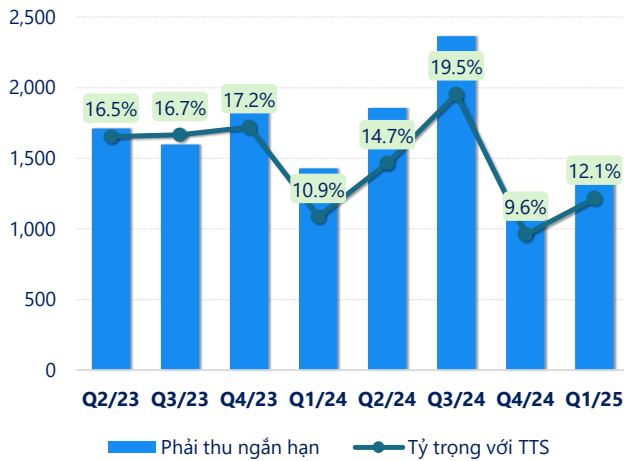
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



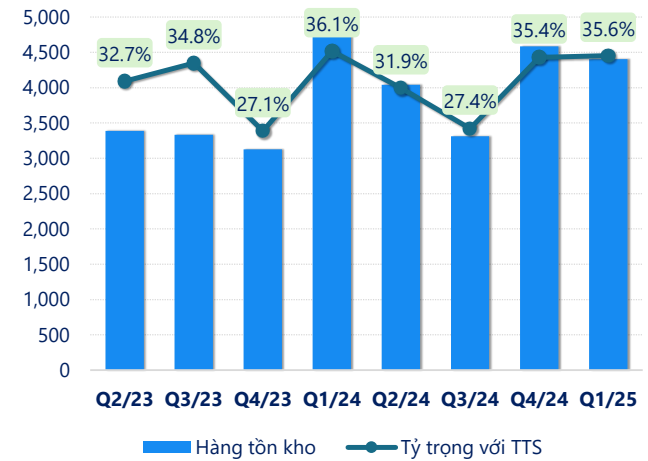
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


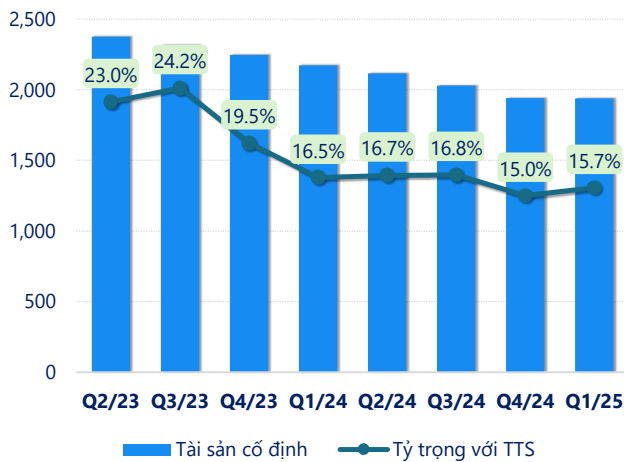
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


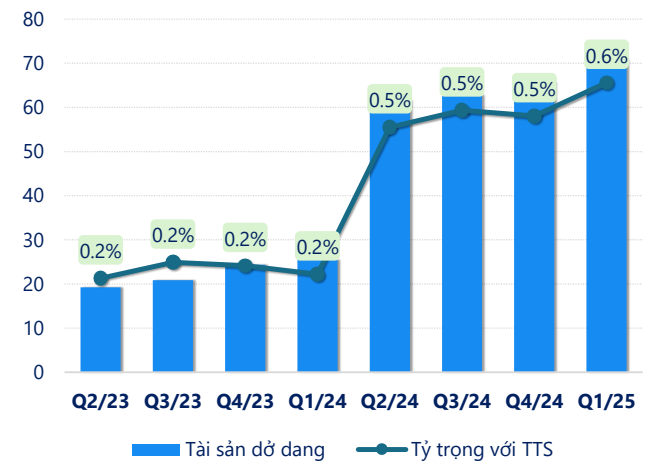
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

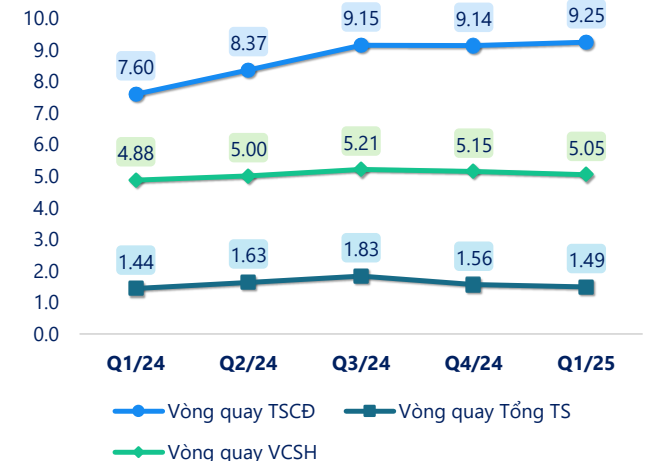
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	13,146	12,654	12,096	12,939	12,363
Tài sản ngắn hạn	10,322	9,835	9,543	10,338	9,777
Tiền và tương đương tiền	905	854	779	811	797
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,810	2,672	2,664	3,222	2,581
Phải thu ngắn hạn	1,427	1,855	2,364	1,242	1,502
Hàng tồn kho	4,752	4,042	3,312	4,585	4,405
Tài sản ngắn hạn khác	427	412	425	479	492
Tài sản dài hạn	2,824	2,819	2,553	2,601	2,586
Phải thu dài hạn	11.3	12.8	13.0	13.5	13.9
Tài sản cố định	2,174	2,117	2,030	1,942	1,938
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.5	61.5	62.8	65.7	71.0
Đầu tư tài chính dài hạn	271	271	110	110	110
Tài sản dài hạn khác	334	349	329	461	445
Lợi thế thương mại	8.44	8.22	8.00	7.78	7.57
Nợ phải trả	9,458	8,797	8,188	9,124	8,514
Nợ ngắn hạn	9,352	8,685	8,049	9,002	8,375
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,443	6,229	6,187	6,779	6,675
Phải trả người bán ngắn hạn	2,207	2,155	1,496	1,833	1,448
Nợ dài hạn	106	112	139	122	139
Vay và nợ thuê dài hạn	50.4	56.4	83.7	66.6	82.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,688	3,857	3,908	3,815	3,849
Vốn chủ sở hữu	3,688	3,857	3,908	3,815	3,849
Vốn điều lệ	1,147	1,147	1,147	1,147	1,147
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)